

Số: 272 /KH-MNTH

Thái Học, ngày 19 tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH
Về việc thực hiện các khoản thu – chi
Năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 2528/HDLN SGDDĐT-STC ngày 15/11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính tỉnh Hải Dương về việc hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 284/KH-MNTH ngày 09/9/2024 của trường MN Thái Học về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ nhu cầu thực tế cần thiết trong công tác hoạt động chăm sóc, giáo dục tại nhà trường và sự thống nhất chủ trương các khoản thu-chi BGH, Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường, CBGV,NV toàn trường;

Trường Mầm non Thái Học xây dựng Kế hoạch thực hiện thu, quản lý, sử dụng các khoản thu năm học 2024-2025 gồm các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Thực hiện chủ trương quản lý và sử dụng các khoản thu - chi theo đúng quy định. Mức thu của từng khoản phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, thu nhập của cha mẹ học sinh.

Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội lành mạnh. Đảm bảo công khai minh bạch, có sự thỏa thuận với phụ huynh học sinh trên tinh

thần tự nguyện dân chủ, có sự thống nhất.

Sử dụng các khoản thu phải tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, thu đủ bù chi, các khoản thu được hạch toán kế toán theo đúng quy định hiện hành.

Phục vụ cho công tác giáo dục và phát triển toàn diện của học sinh đang tham gia học tập tại trường Mầm non Thái Học

II. QUY MÔ TRƯỜNG LỚP

1. Đội ngũ: Tổng số CBGV, NV toàn trường: 26 , trong đó:

- Cán bộ quản lý: 03
- Giáo viên: 18
- Nhân viên kế toán : 01
- Nhân viên cấp dưỡng: 04

2. Nhóm lớp: Tổng số nhóm lớp: 09 , trong đó:

Nhà trẻ: 02 lớp

Mẫu giáo: 07 lớp

3. Số học sinh: Tổng số học sinh toàn trường: 180 học sinh, trong đó:

- Học sinh gia đình hộ nghèo: 01 học sinh;
- Học sinh đối tượng đặc biệt khác: 0 (Con thương binh, gia đình đặc biệt

khó khăn). Học sinh Khuyết tật: 02.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU -CHI NĂM HỌC 2024-2025:

1. Bán trú.

1.1. Tiền ăn

- Nghị quyết số: 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức thu tối đa đối với cấp Mầm non tối đa là 23.000 đồng/ngày (Nhà trẻ: 2 bữa chính+1 bữa phụ; Mẫu giáo: 1 bữa chính+1 bữa phụ).

***Nội dung chi**

Mua lương thực, thực phẩm đúng định lượng tính ăn trên phần mền quản lý bán trú theo số xuất ăn thực tế hàng ngày của trẻ.

*** Mức thu**

- Trường Mầm non Thái Học tổ chức bán trú các ngày từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần: Nhà trẻ: 1 bữa chính + 1 bữa xế + 1 bữa phụ; Mẫu giáo: 1 bữa chính + 1 bữa phụ với mức: 17.000 đ/ trẻ/ngày/học sinh.

- Thời gian thu: Từ ngày 05 đến ngày 15 của tháng sau (thu xuất thực ăn trong tháng)

1.2. Phụ phí (Chất đốt, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)

Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức thu tối đa đối với cấp mầm non là 65.000 đồng/học sinh/tháng.

Căn cứ thực tế nhu cầu sử dụng, nhà trường xây dựng mức thu cụ thể như sau:

(Căn cứ báo giá gas bình quân thời điểm năm học 2023-2024 và báo giá đầu

năm học 2024-2025. Căn cứ số lượng sử dụng ga, nước sinh hoạt, các loại nước tẩy rửa của năm học trước)

* Dự kiến chi:

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Tổng chi 1 tháng	Tổng chi 1 năm
I	Tiền chất đốt, tẩy rửa				6.374.000	57.366.000
1	Ga petro Việt Nam bình 45 kg	Bình	2	1.530.000	3.060.000	27.540.000
	Ga petro Việt Nam bình 12 kg	Bình	4	408.000	1.632.000	14.688.000
2	Nước tẩy nhà vệ sinh o kay	Chai	9	28.000	252.000	2.268.000
3	Nước lau bếp cif 690 g	Chai	8	55.000	440.000	3.960.000
4	Nước rửa tay lifebouy 120g	Chai	18	30.000	540.000	4.860.000
5	Nước rửa bát gift 3,8l	Can	6	75.000	450.000	4.050.000
II	Tiền nước sinh hoạt				1.725.000	15.525.000
	Khu trung tâm : Công ty CP kinh doanh nước sạch HD	Khối	80	13.800	1.104.000	9.936.000
	Khu Lạc Sơn : Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Tỉnh Hải Dương	Khối	69	9.000	621.000	5.589.000
	Tổng cộng:				8.099.000	72.891.000

Phụ lục tiền nước sinh hoạt tính riêng:

ĐVT: Đồng

STT	Tiền nước sinh hoạt	ĐVT	Số lượng	Số lượng trẻ	SL/1 trẻ/tháng	Số tiền dự kiến thu/1 trẻ/tháng
1	Tiền nước khu trung tâm: (Công ty CP kinh doanh nước sạch Hải Dương))	Khối	80	87	0.92	12.696
2	Tiền nước khu Lạc Sơn(Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương)	Khối	69	93	0.74	6.660
	Tổng cộng:		149	180	0.925	9.678

*** Dự kiến mức thu:**

Trên cơ sở dự kiến mức chi như trên, Trường Mầm non Thái Học xây dựng mức dự kiến thu như sau:

ĐVT: Đồng

TT	Số học sinh tham gia bán trú	Số học sinh đóng kinh phí (trừ miễn, giảm)	Mức thu/ 1 HS/ 1tháng	Tổng thu 1 tháng	Tổng thu 9 tháng	Ghi chú
1	180	180	45.000	8.100.000	72.900.000	
Cộng	180	180	45.000	8.100.000	72.900.000	

Lưu ý: Nhà trường không thu tiền điện. Thực hiện chi khoản thu trên theo thực tế sử dụng và sẽ quyết toán theo từng học kỳ.

- Thời gian thu: Từ ngày 05 đến ngày 15 của tháng

1.3. Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú (Trả người nấu ăn, NV cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)

1.3.1. Tháng 9, tháng 10 năm 2024

Thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức thu tối đa trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý tối đa là 240.000 đồng/học sinh/tháng (Do Nghị Quyết 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực từ 28/10/2024).

Căn cứ thực tế chi trả công tác trông trưa, quản lý bán trú, nhà trường xây dựng mức thu -chi cụ thể như sau:

*** Dự kiến mức chi: tháng 9, tháng 10/2024**

ĐVT: Đồng

ST T	NỘI DUNG CHI	Số cô	Mức chi 1 tháng	Tổng chi 1 tháng	Tổng chi 2 tháng	Ghi chú
1	Chi trả tiền công NV cấp dưỡng (theo vùng III)	4	4.410.000	17.640.000	35.280.000	
2	Chi trả tiền đóng bảo hiểm, công đoàn NV cấp dưỡng	2	1.036.350	2.072.700	4.145.400	
3	Chi trả giáo viên trông trưa	18	978.638	17.615.484	35.230.968	
4	Chi trả quản lý bán trú	4	978.638	3.914.552	7.829.104	
5	Chi trả nhân viên cấp dưỡng buổi trưa (chuẩn bị, nấu bữa chiều)	4	489.316	1.957.264	3.914.528	50% của GV
	Tổng cộng:			43.200.000	86.400.000	

*** Mức thu tháng 9,10/2024 Thực hiện theo mức thu của Nghị quyết 08/2022**

ĐVT: Đồng

STT	Độ tuổi	Số học sinh	Mức thu/ tháng	Tổng thu 1 tháng	Tổng thu 2 tháng
1	- Nhà trẻ	24	240.000	5.760.000	11.520.000

2	- Mẫu giáo	156	240.000	37.44.000	74.880.000
Tổng cộng:		180		43.200.000	86.400.000

1.3.2. Từ tháng 11/2024 đến hết tháng 5/2025.

Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức thu tối đa trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý tối đa là 305.000 đồng/học sinh/tháng.

Căn cứ thực tế chi trả công tác trông trưa, quản lý bán trú, nhà trường xây dựng mức thu -chi cụ thể như sau:

- Bảng ước tính mức tiền giờ công tiêu chuẩn trực trưa bán trú:

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Số liệu	Ghi chú
1	Tiền lương ngạch bậc toàn trường	199.214.000	
2	Phụ cấp chức vụ	4.446.000	
3	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	27.906.000	
4	Tổng cộng tiền lương + phụ cấp	231.566.000	
5	Tổng số cán bộ QL, giáo viên	26	
6	Tiền lương bình quân/ 1 giáo viên	8.906.385	
7	Tổng số giờ công tiêu chuẩn 1 tháng (22 ngày x 8 giờ)	176	
8	Tiền lương bình quân 1 giờ/ 1 giáo viên	50.604	
9	Tiền lương trông trưa 1 giờ (1 giờ x 150%)	75.907	

Số liệu xây dựng bảng ước tính mức tiền công tiêu chuẩn trực trưa bán trú căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 9 năm 2024 kèm theo

Căn cứ theo bảng tính tại phụ lục 01 thì mức thu trung bình 9 tháng của học sinh để đảm bảo chế độ ngày giờ công của giáo viên thì mức thu là 534.004 đồng/ 1 học sinh / 1 tháng. Áp dụng quy định Nghị quyết 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định nhà trường không thể thu mức 534.004 đồng/tháng, do đó để phù hợp với địa phương đơn vị áp dụng mức thu tối đa trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý là 300.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Dự kiến chi từ tháng 11/2024-T5/2025 (Thực hiện chi theo Nghị quyết 17/2024)

ĐVT: Đồng

ST T	NỘI DUNG CHI	Số cô	Mức chi 1 tháng	Tổng chi 1 tháng	Tổng chi 7 tháng	Ghi chú
1	Chi trả tiền công NV cấp dưỡng (theo vùng III)	4	4.700.000	18.800.000	131.600.000	
2	Chi trả tiền đóng bảo hiểm, công đoàn NV cấp dưỡng	2	1.104.500	2.209.000	15.463.000	

3	Chi trả giáo viên trông trưa	18	1.374.625	24.743.250	173.202.750	
4	Chi trả quản lý bán trú	4	1.374.625	5.498.500	38.489.500	
5	Chi trả nhân viên cấp dưỡng buổi trưa (chuẩn bị, nấu bữa chiều)	4	687.313	2.749.250	19.244.750	50% của GV
Tổng cộng:				54.000.000	378.000.000	

(Mức tiền công bán trú trông trưa, quản lý có thể thay đổi căn cứ số trẻ thực tế ăn bán trú tại trường trong tháng)

*** Dự kiến mức thu Từ tháng 11/2024-T5/2025 Thực hiện theo mức thu của Nghị quyết 17/2024):**

Trên cơ sở dự kiến mức chi như trên, Trường Mầm non Thái Học xây dựng mức dự kiến thu như sau:

DVT: Đồng

STT	Độ tuổi	Số học sinh	Mức thu/ tháng	Tổng thu 1 tháng	Tổng thu 7 tháng
1	- Nhà trẻ	24	300.000	7.200.000	50.400.000
2	- Mẫu giáo	156	300.000	46.800.000	327.600.000
Tổng cộng:		180		54.000.000	378.000.000

- Thời gian thu: - Thời gian thu: Từ ngày 05 đến ngày 15 của tháng

Cháu đi học mới từ sau ngày 15 của tháng thì sẽ tính thu 1/2 so với mức cả tháng.

1.4. Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (Công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú)

Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức thu tối đa đối với cấp mầm non là 200.000 đồng/học sinh.

Số trẻ dự kiến đi mới : 36 trẻ

Căn cứ thực tế nhu cầu sử dụng, nhà trường xây dựng mức chi-thu cụ thể như sau:

*** Dự kiến chi:**

DVT: Đồng

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Ghi chú
1	Bát Innoc	Chiếc	36	20.000	720.000	
2	Thìa Inox	Chiếc	36	5.000	180.000	
3	Vỏ chần cho trẻ KT 1,5 x 2m	Chiếc	15	75.000	1.125.000	
4	Đệm cho trẻ KT 1,2 x2m	Chiếc	8	212.000	1.696.000	

5	Thớt loại 1 KT 40cm	Chiếc	2	350.000	700.000	
6	Chảo chống dính KT 30cm	Chiếc	1	350.000	350.000	
7	Rổ đựng bát	Chiếc	9	55.000	495.000	
8	Rổ đựng rau	Chiếc	4	85.000	340.000	
9	Rá vo gạo	Chiếc	2	185.000	370.000	
10	Dao to	Chiếc	2	186.000	372.000	
11	Muôi to	Chiếc	4	75.000	300.000	
12	Muôi nhỏ	Chiếc	4	65.000	260.000	
13	Nạo gọt rau củ	Chiếc	6	20.000	120.000	
14	Lưới rửa bát	Chiếc	10	10.000	100.000	
15	Cọ xoong	Chiếc	12	6.000	72.000	
	Cộng				7.200.000	

*** Dự kiến mức thu:**

Trên cơ sở dự kiến mức chi như trên, Trường Mầm non Thái Học xây dựng mức dự kiến thu như sau:

DVT: Đồng

STT	Độ tuổi	Dự kiến Số học sinh	Mức thu/ 1 trẻ mới	Tổng thu 1 năm	Ghi chú
1	- Trẻ mới Nhà trẻ	17	200.000	3.400.000	
2	- Trẻ mới Mẫu giáo	19	200.000	3.800.000	
	Tổng cộng:	36		7.200.000	

- Thời gian thu: Tháng 11, tháng 12/2024. Những cháu ra lớp sau sẽ thu tại thời điểm trẻ đi học

2. Dịch vụ vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh

Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức thu tối đa: 20.000đồng/học sinh/tháng

Căn cứ tình hình thực tế, nhà trường dự kiến mức thu- chi như sau:

*** Dự kiến chi:**

+ Tiền dụng cụ, đồ dùng phục vụ công tác vệ sinh

DVT: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số chi 1 tháng	Số chi 1 năm
1	Chổi chít	Cái	5	35.000	175.000	1.575.000

2	Chổi lau nhà	Cái	4	51.000	204.000	1.836.000
3	Chổi cước	Cái	5	27.000	135.000	1.215.000
4	Chổi dể	Cái	3	26.000	78.000	702.000
5	Gang tay cao su dài	Đôi	9	18.000	162.000	1.458.000
6	Nước lau sàn sunlight 900g	Chai	9	26.000	234.000	2.106.000
7	Giấy vệ sinh Watersilk 12 cuộn	Bịch	18	45.000	810.000	7.290.000
Tổng cộng:					1.798.000	16.182.000

*** Dự kiến mức thu:**

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Số học sinh	Mức thu / 1 tháng	Tổng thu 1 tháng	Tổng thu 9 tháng
1	- Nhà trẻ	24	10.000	240.000	2.160.000
2	- Mẫu giáo	156	10.000	1.560.000	14.040.000
Tổng cộng:		180		1.800.000	16.200.000

- Thời gian thu: Từ ngày 05 đến ngày 15 của tháng (T9,10,11 thu vào tháng 11 và 12/2024).

3. Đồ dùng, đồ chơi và học liệu

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 2528/HDLN SGDDĐT-STC ngày 15/11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính tỉnh Hải Dương về việc hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ vào mức độ tiêu hao của đồ dùng, đồ chơi và học liệu; Căn cứ Biên bản khảo sát hiện trạng ngày 12 tháng 8 năm 2024 của trường Mầm non Thái Học; Căn cứ thực tế nhu cầu sử dụng, nhà trường xây dựng dự kiến mức thu-chi cụ thể như sau:

*** Dự kiến chi:**

DVT: Đồng

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ					
1	Gậy thể dục 30cm	Cái	6	5.500	33.000
2	Vòng thể dục nhỏ	Cái	6	16.500	99.000
3	Đồ chơi có bánh xe và dây kéo	Cái	2	165.000	330.000
4	Bộ xâu móc xích	Bộ	4	65.000	260.000
5	Búp bê trai	Con	2	155.000	310.000

6	Búp bê gái	Con	2	155.000	310.000
7	Hàng rào to trắng	Bộ	1	75.000	75.000
8	Đồ chơi các loại rau, củ, quả	Bộ	2	60.000	120.000
9	Bộ đồ chơi nhà bếp đại	Bộ	2	135.000	270.000
10	Bộ dụng cụ bác sĩ	Bộ	2	90.000	180.000
11	Xúc xắc	Cái	4	35.000	140.000
12	Đất nặn	Hộp	10	15.500	155.000
13	Bút sáp thiên long	Hộp	13	15.000	195.000
14	Xô nhựa	Cái	2	75.000	150.000
15	Chậu nhựa	Cái	2	75.000	150.000
16	Lồng hộp vuông	Bộ	6	18.500	111.000
17	Lồng hộp tròn	Bộ	6	18.500	111.000
18	Bộ xâu hạt tròn đại	Bộ	2	60.000	120.000
Cộng					3.119.000
II ĐỘ TUỔI 3 TUỔI					
1	Xô nhựa	Cái	2	75.000	150.000
2	Chậu nhựa	Cái	2	75.000	150.000
3	Thùng đựng rác	Cái	1	285.000	285.000
4	Mô hình hàm răng	Cái	4	53.000	212.000
5	Vòng thẻ đục to	Cái	4	32.000	128.000
6	Gậy thẻ đục to	Cái	7	8.000	56.000
7	Phách gỗ	Đôi	10	10.000	100.000
8	Trống com	Cái	2	42.000	84.000
9	Nguyên liệu để đan tết	Kg	1	75.000	75.000
10	Kéo thủ công	Cái	12	10.000	120.000
11	Kéo văn phòng	Cái	4	40.000	160.000
12	Bút sáp thiên long	Hộp	41	15.000	615.000
13	Đất nặn	Hộp	22	15.500	341.000
14	Bộ ghép nút 164 thường	Bộ	2	75.000	150.000
15	Đồng hồ học số học hình nhựa	Cái	2	95.000	190.000
16	Búp bê trai	Con	4	155.000	620.000
17	Búp bê gái	Con	2	155.000	310.000
18	Bộ đồ chơi nhà bếp nhỏ	Bộ	3	75.000	225.000
19	Bộ dụng cụ bác sĩ	Bộ	4	90.000	360.000
20	Đồ chơi các phương tiện giao thông nhựa	Bộ	2	135.000	270.000

21	Hàng rào to trắng	Túi	2	75.000	150.000
22	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	2	68.000	136.000
23	Bộ làm quen với toán	Bộ	4	55.000	220.000
24	Bộ hình học phẳng (6 hình / túi)	Túi	10	15.000	150.000
25	Khối hình nhỏ	Bộ	4	25.000	100.000
26	Hộp thả hình nhựa	Bộ	6	50.000	300.000
27	Bảng con nhựa	Cái	6	13.500	81.000
Cộng					5.738.000
III ĐỘ TUỔI 4 TUỔI					
1	Cốc uống nước inox thường	Cái	10	11.000	110.000
2	Chậu nhựa	Cái	2	75.000	150.000
3	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	12	6.000	72.000
4	Mô hình hàm răng	Cái	4	53.000	212.000
5	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	10	17.500	175.000
6	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	10	6.500	65.000
7	Vòng thẻ đục cho giáo viên	Cái	4	32.000	128.000
8	Gậy thẻ đục cho giáo viên	Cái	4	8.000	32.000
9	Bóng nhỏ mềm	Quả	20	4.800	96.000
10	Bộ chun học toán	Cái	6	27.000	162.000
11	Nguyên liệu để đan tết	Túi	4	75.000	300.000
12	Kéo thủ công	Cái	10	10.000	100.000
13	Kéo văn phòng	Cái	2	40.000	80.000
14	Bút sáp thiên long	Hộp	24	15.000	360.000
15	Đất nặn	Hộp	25	15.500	387.500
16	Bút lông cỡ to	Cái	10	35.000	350.000
17	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	8	28.000	224.000
18	Giấy màu to	túi	25	4.500	112.500
19	Bộ luân hạt	Bộ	4	155.000	620.000
20	Bộ ghép nút 164	Bộ	4	75.000	300.000
21	Đồng hồ học số học hình nhựa	cái	3	85.000	255.000
22	Búp bê trai	Con	4	155.000	620.000
23	Búp bê gái	Con	4	155.000	620.000
24	Bộ đồ chơi gia đình	Bộ	4	175.000	700.000
25	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	4	90.000	360.000
26	Bộ chăm sóc cây	Bộ	2	70.000	140.000
27	Hàng rào to trắng	Túi	2	75.000	150.000

28	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông nhựa	Bộ	2	165.000	330.000
29	Bộ động vật biển	Túi	3	95.000	285.000
30	Bộ động vật sống trong rừng	Túi	2	95.000	190.000
31	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Túi	2	95.000	190.000
32	Bộ côn trùng	Túi	2	95.000	190.000
33	Bộ làm quen với toán	Bộ	2	68.500	137.000
34	Gạch xây dựng viên nhỏ	Túi	4	32.000	128.000
Cộng					8.331.000
IV ĐỘ TUỔI 5 TUỔI					
1	Cốc uống nước inox thường	Cái	19	11.000	209.000
2	Xô nhựa	Cái	1	75.000	75.000
3	Chậu nhựa	Cái	2	75.000	150.000
4	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	18	6.000	108.000
5	Mô hình hàm răng	Cái	6	53.000	318.000
6	Vòng thẻ đục to	Cái	6	32.000	192.000
7	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	28	17.500	490.000
8	Gậy thẻ đục to	Cái	6	8.000	48.000
9	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	30	6.500	195.000
10	Phách gõ	Đôi	6	10.000	60.000
11	Bóng nhỏ mềm	Quả	15	4.800	72.000
12	Bóng đại cứng kẻ	Quả	35	15.000	525.000
13	Đồ chơi Bowling to	Bộ	4	75.000	300.000
14	Nguyên liệu để đan tết	Túi	6	75.000	450.000
15	Kéo thủ công	Cái	66	10.000	660.000
16	Kéo vặn phòng	Cái	3	40.000	120.000
17	Bút chì đen 2 B	Cái	66	5.000	330.000
18	Bút sáp thiên long	Hộp	66	15.000	990.000
19	Đất nặn	hộp	66	15.500	1.023.000
20	Màu vẽ 3 D	Hộp	20	47.500	950.000
21	Bút lông cỡ to	Cái	15	35.000	525.000
22	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	8	28.000	224.000
23	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	3	42.000	126.000
24	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	3	42.000	126.000
25	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	3	42.000	126.000
26	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	3	42.000	126.000

27	Bộ luân hạt	Bộ	4	155.000	620.000
28	Bộ ghép nút 164 kép	Bộ	3	95.000	285.000
29	Đồng hồ học số học hình nhựa	cái	4	85.000	340.000
30	Phễu nhựa	Cái	3	6.000	18.000
31	Bộ làm quen với toán	Bộ	4	77.000	308.000
32	Bộ hình học phẳng (6 hình / túi)	Túi	3	15.000	45.000
33	Bộ que tính dẹt to	Bộ	3	7.000	21.000
34	Bộ chăm sóc cây	Bộ	3	75.000	225.000
35	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	Bộ	2	175.000	350.000
36	Búp bê trai	Con	4	155.000	620.000
37	Búp bê gái	Con	3	155.000	465.000
38	Gạch xây dựng viên nhỏ	Túi	2	32.000	64.000
Cộng					11.879.000
Tổng cộng					29.067.000

*** Dự kiến mức thu:**

Trên cơ sở dự kiến mức chi như trên, Trường Mầm non Thái Học xây dựng mức dự kiến thu như sau:

DVT: Đồng

STT	Độ tuổi	Số học sinh	Mức thu/ 1 năm	Tổng thu 1 năm	Tổng số dự kiến chi	Ghi chú
1	Nhà trẻ	24	130.000	3.120.000	3.119.000	
2	3 Tuổi	41	140.000	5.740.000	5.738.000	
3	4 tuổi	49	170.000	8.330.000	8.331.000	
4	5 tuổi	66	180.000	11.880.000	11.879.000	
	Cộng	180		29.070.000	29.067.000	

- Thời gian thu: Tháng 11; 12/2024. Những cháu ra lớp sau sẽ thu tại thời điểm trẻ đi học

4. Tiền nước uống của học sinh:

Nhà trường cho học sinh uống nước Belmons bình 19.5 lít của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Q và T Việt Nam.

Căn cứ tình hình thực tế, nhà trường dự kiến mức thu- chi như sau:

*** Dự kiến chi:**

DVT: Đồng

S T T	Nội dung chi	Số lượng nước /1 trẻ/ 1 ngày	Số lượng nước / trẻ/ tháng	Số lượng trẻ	Số lượng lít nước / tháng	Số lượng bình nước / 1 tháng	Đơn giá dự kiến /1 bình	Tổng chi 1 tháng	Tổng chi 9 tháng
-------------	--------------	------------------------------	----------------------------	--------------	---------------------------	------------------------------	-------------------------	------------------	------------------

A	B	1	2=0.35x 22 ngày	3	4=2x3	5=4/19.5 lít	6	7=5x6	8=7x9
1	Bình nước Belmons 19.5 lít	0.35	7,7	180	1.386	71	13.000	923.000	8.307.000
	Tổng cộng:	0.35	7,7	180	1.386	71	13.000	923.000	8.307.000

Vậy tổng số thu /1 tháng : 923.000: 180 trẻ = 5.127 đ/trẻ nhà trường thu 5.000 đ/1 trẻ / tháng

*** Dự kiến mức thu:**

DVT: Đồng

Độ tuổi	Số Học sinh	Dự kiến Mức thu	Tổng thu 1 tháng	Tổng thu 9 tháng
Nhà trẻ	24	5.000	120.000	1.080.000
Mẫu giáo	156	5.000	780.000	7.020.000
Tổng cộng:	190	5.000	900.000	8.100.000

(Trên cơ sở phát sinh thực tế nhà trường điều chỉnh mức thu vào cuối mỗi kỳ học)

- Thời gian thu: Từ ngày 05 đến ngày 15 của tháng (T9,10,11 thu vào tháng 11 và 12/2024).

IV. TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.

1. Tiền bán trú

Nội dung thu	Mức thu	Ghi chú
Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú tháng 9;10/2024	240.000đ/trẻ/tháng	Thu theo tháng
Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú từ tháng 11/2024 đến hết tháng 5/2025	300.000đ/trẻ/tháng	Thu theo tháng
Tiền ăn	17.000đ/trẻ/ngày	Thu theo tháng đủ theo ngày thực ăn của trẻ.
Phụ phí (Chất đốt, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)	45.000đ/trẻ/tháng	Thu theo tháng
Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú	200.000đ/học sinh/cả khoá học.	Chỉ thu cháu mới vào trường

2. Dịch vụ vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh: 10.000đ/trẻ/tháng.

3. Tiền đồ dùng, đồ chơi, học liệu:

- Nhà trẻ: 130.000đ/trẻ/năm.
- Mẫu giáo 3 tuổi: 140.000đ/trẻ/năm
- Mẫu giáo 4 tuổi: 170.000đ/trẻ/năm
- Mẫu giáo 5 tuổi: 180.000đ/trẻ/năm

4. Tiền nước uống của học sinh: 5.000đ/trẻ/tháng.

V. QUẢN LÝ THU-CHI

- Thực hiện thu trực tiếp từ tài khoản các ngân hàng kết nối với phần mềm quản lý các khoản thu EMIS, thu qua Tài khoản của phụ huynh từ tất cả các ngân hàng.

- Thiết lập, hạch toán kế toán theo từng khoản thu.

- Thực hiện nghiêm túc thu-chi, quyết toán, báo cáo quyết toán đúng quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bước 1: Thống nhất chủ trương về kế hoạch thu các khoản thu, dự kiến nội dung chi, mức thu (Trong BGH, Hội đồng trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường sau đó thông báo lấy ý thống nhất của tập thể cán bộ, viên chức người lao động của nhà trường.

2. Bước 2: Lập kế hoạch thu-chi và dự toán chi tiết (dự kiến nguồn thu- các nội dung chi - dự kiến mức chi cụ thể - trên cơ sở đó xác định mức thu của từng khoản). Niêm yết công khai để tiếp thu ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh kế hoạch và dự toán.

3. Bước 3: Thỏa thuận lấy ý kiến phụ huynh. Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai thỏa thuận, lấy ý kiến thống nhất của toàn thể cha mẹ học sinh bằng văn bản theo hình thức thích hợp.

4. Bước 4: Gửi báo cáo Phòng GD&ĐT theo dõi, kiểm tra và giám sát những khoản thu theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024. Lập tờ trình kèm theo toàn bộ hồ sơ để Phòng GD&ĐT thẩm định phê duyệt bằng văn bản đối với các khoản thu đồ dùng đồ chơi, nước uống...

5. Bước 5. Tổ chức thực hiện các khoản thu theo quy định.

Thực hiện quyết toán, báo cáo quyết toán cuối kỳ, cuối năm học theo kế hoạch và quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch các khoản thu - chi năm học 2024-2025 của trường Mầm non Thái Học./.

Nơi nhận:

- PGD; (để báo cáo, phê duyệt);
- UBND Phường; (để báo cáo);
- BDD CMHS, CMHS, CBGV (phối hợp, thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Huệ